

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 18/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Hoa Vinh;

- Ông Trần Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tây Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1977; cư trú tại: Tổ F, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Tổ F, khu phố A, xã T, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Tất T: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp G, phường B, tỉnh Tây Ninh) (văn bản uỷ quyền ngày 22/4/2025), có mặt.

Bị đơn:

- Chị Lê Hiền T1, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ A, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Khu phố D, xã T, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

- Anh Trần Quang T2, sinh năm 1983; cư trú tại: Tổ G, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Tổ G, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1979; cư trú tại: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Khu phố A, xã T, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Mỹ P: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp G, phường B, tỉnh Tây Ninh) (văn bản uỷ quyền ngày 18/8/2025), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tất T và người đại diện theo uỷ quyền của anh T là chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Vào ngày 01/2/2024 anh Tất T có cho anh Trần Quang T2 và chị Lê Hiền T1 vay số tiền 500.000.000 đồng để lo công việc gia đình. Thời hạn vay từ ngày 01/2/2024 đến ngày 01/5/2024, lãi suất thỏa thuận 1,5% một tháng. Khi vay có làm giấy vay tiền, anh Quang T2 và chị T1 cùng ký tên. Anh Quang T2 và chị T1 đóng lãi đầy đủ đến ngày 30/4/2024. Từ ngày 01/5/2024 cho đến nay anh Quang T2 không đóng lãi và cũng không trả tiền gốc. Nay anh Tất T yêu cầu anh Quang T2 và chị T1 trả số tiền vay gốc 500.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 1,5% một tháng từ ngày 01/5/2024 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Quang T2 trình bày:

Vào khoảng tháng 12/2023 đến tháng 1/2024 anh tham gia đá gà qua mạng với anh Tất T, anh Tất T cung cấp trang đá gà cho anh tham gia. Anh có tham gia chơi và thua 300.000.000 đồng.

Ngày 01/2/2024 do cần tiền để sinh hoạt trong gia đình nên anh và chị T1 có vay của anh Tất T 200.000.000 đồng, lãi suất 10.000.000 đồng/1 tháng nhưng ghi vào giấy nợ 1,5%. Anh và chị T1 cùng thống nhất cộng luôn số nợ 300.000.000 đồng đá gà thua vào số tiền 200.000.000 đồng và làm giấy nợ 500.000.000 đồng. Giấy nợ 500.000.000 đồng, do anh Tất T ghi, anh và vợ là chị T1 cùng tự nguyện ký tên. Trong giấy nợ hẹn ngày 01/5/2024 trả. Sau khi làm giấy nợ vào ngày 01/2/2024 anh có đóng lãi cho anh Tất T mỗi tháng 20.000.000 đồng, cụ thể khoản vay 200.000.000 đồng đóng lãi 10.000.000 đồng/1 tháng; khoản vay 300.000.000 đồng đóng lãi 10.000.000 đồng/1 tháng.

Anh và chị T1 đóng lãi đầy đủ đến tháng 6/2024 âm lịch bằng hình thức chuyển khoản cho anh Tất T và vợ anh Tất T. Đến tháng 6/2024 âm lịch anh trả cho anh Tất T được 200.000.000 đồng tiền gốc bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần. Còn số tiền 300.000.000 đồng còn lại mỗi tháng anh đóng lãi 10.000.000 đồng/1 tháng cho đến tháng 12/2024 âm lịch thì ngưng cho đến nay, việc đóng lãi cũng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của anh Tất T và vợ anh Tất T. Khi làm giấy nợ của hai khoản tiền trên anh và chị T1 không thể chấp tài sản gì cho

anh Tất T. Anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc anh và anh Nguyễn Tất T có tham gia đá gà và anh nợ 300.000.000 đồng tiền đá gà ngoài lời trình bày.

Từ 09/5/2024 cho đến ngày 14/12/2024 anh T và chị Lê Hiền T1 có nhiều lần chuyển khoản vào số tài khoản của **anh Nguyễn Tất T**, số tài khoản 050071034876 Ngân hàng S để trả nợ gốc và nợ lãi.

Chị Lê Hiền T1 chuyển khoản tiền gốc cho anh T nhiều lần với số tiền là 140.000.000 đồng, từ số tài khoản 66110002377595 và số tài khoản 6612377595 Ngân hàng B, chủ tài khoản là Lê Hiền T1, đến số tài khoản của anh T 050071034876 Ngân hàng S. Chứng cứ là các sao kê có mộc đỏ của Ngân hàng B mà anh đã nộp, từ ngày 09/5/2024 đến ngày 24/5/2024, chị T1 đã chuyển cho anh T tiền gốc 140.000.000 đồng.

Anh Trần Quang T2 có chuyển tiền lãi cho anh T 02 lần: Lần một, anh dùng số tài khoản Ngân hàng A, chuyển 10.000.000 đồng vào ngày 20/10/2024 đến số tài khoản 050071034876 Ngân hàng S của anh Nguyễn Tất T. Lần hai, anh dùng số tài khoản B1, chuyển 10.000.000 đồng vào ngày 14/12/2024 đến số tài khoản 050071034876 Ngân hàng S của anh Nguyễn Tất T.

Anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc đã chuyển tiền cho vợ anh T vì không nhớ số tài khoản và Ngân hàng.

Nay anh đồng ý trả cho anh Nguyễn Tất T số tiền vay và tiền lãi 1,5% một tháng sau khi khấu trừ số tiền 160.000.000 đồng anh đã chuyển khoản nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ chị Lê Hiền T1 đến làm việc nhưng chị T1 vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 30/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ P trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Tất T, chị có biết anh T khởi kiện chị Lê Hiền T1 và anh Trần Quang T2 số tiền vay 500.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Quang T2 khai có chuyển khoản cho chị là không đúng vì bản thân chị không dùng tài khoản ngân hàng. Mọi giao dịch với vợ chồng anh T2 đều do anh Nguyễn Tất T giao dịch chứ chị không trực tiếp thực hiện. Nay chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tất T, không có tranh chấp.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã chuyển khoản trả được 160.000.000 đồng tiền gốc, nay nguyên đơn yêu cầu anh T, chị T1 trả số tiền vay gốc 340.000.000 đồng và tiền lãi 79.450.000 đồng cụ thể:

Nợ gốc 500.000.000 đồng, ngày 09/5/2024 đến ngày 24/5/2024 trả tiền gốc 140.000.000 đồng; tính lãi 1,5% một tháng từ ngày 02/5/2024 đối với số tiền nợ gốc 360.000.000 đồng;

Ngày 20/10/2024 trả tiền gốc 10.000.000 đồng: tính lãi 1,5% một tháng đối với số tiền gốc 350.000.000 đồng;

Ngày 14/12/2024 trả tiền gốc 10.000.000 đồng: tính lãi 1,5% một tháng đối với số tiền gốc 340.000.000 đồng.

Bị đơn anh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tất T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Quang T2, chị Lê Hiền T1. Buộc anh Trần Quang T2 và chị Lê Hiền T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tất T số tiền vay gốc 340.000.000 đồng và tiền lãi 1,5% một tháng kể từ ngày 2/5/2025 cho đến ngày xét xử.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tất T đối với số tiền 160.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Trần Quang T2 và chị Lê Hiền T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Tất T khởi kiện chị Lê Hiền T1, sinh năm 1988; cư trú tại: Khu phố D, xã T, tỉnh Tây Ninh và anh Trần Quang T2, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền vay và lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Lê Hiền T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 3

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Hiền T1.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Về tiền vay gốc: Anh Nguyễn Tất T khởi kiện yêu cầu chị Lê Hiền T1 và anh Trần Quang T2 trả số tiền vay 500.000.000 đồng. Anh Trần Quang T2 thừa nhận anh và chị Lê Hiền T1 có ký giấy vay của anh Nguyễn Tất T số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 01/2/2024. Quá trình giải quyết vụ kiện anh Trần Quang T2 có trình bày đã trả cho anh Nguyễn Tất T số tiền gốc 200.000.000 đồng và nhiều lần chuyển khoản đóng lãi cho anh Tất T và vợ anh Tất T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị T1 nhưng đương sự không đến Tòa án làm việc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T, chị T1 trả số tiền vay gốc là 340.000.000 đồng, anh Trần Quang T2 đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 340.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tất T. Buộc anh Trần Quang T2 và chị Lê Hiền T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Tất T số tiền vay gốc 340.000.000 đồng.

[3.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi 1,5% một tháng trên số nợ gốc theo các mốc thời gian chuyển trả tiền gốc, anh Quang T2 đồng ý. Anh Trần Quang T2, chị Lê Hiền T1 bắt đầu chuyển khoản trả tiền gốc cho nguyên đơn nhiều lần từ ngày 09/5/2024 đến ngày 24/5/2024 tổng cộng là 140.000.000 đồng nhưng nguyên đơn đồng ý trừ 140.000.000 đồng vào tiền vay gốc từ ngày 2/5/2024 và tính lãi từ ngày 2/5/2024 trên số nợ gốc còn lại là có lợi cho bị đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngày 20/10/2024 trả tiền gốc 10.000.000 đồng; ngày 14/12/2024 trả tiền gốc 10.000.000 đồng nên tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 2/5/2024 đến ngày 19/10/2024: Tiền gốc 360.000.000 đồng x 1,5% tháng x 5 tháng 17 ngày = 30.060.000 đồng.

Từ ngày 20/10/2024 đến ngày 13/12/2024: Tiền gốc 350.000.000 đồng x 1,5% x 1 tháng 23 ngày = 9.275.000 đồng.

Từ ngày 14/12/2024 đến ngày 18/8/2025: Tiền gốc 340.000.000 đồng x 1,5% x 08 tháng 4 ngày = 41.480.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 80.815.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 79.450.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Trần Quang T2 và chị Lê Hiền T1 phải chịu 20.778.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tất T đối với anh Trần Quang T2 và chị Lê Hiền T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Trần Quang T2 và chị Lê Hiền T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Tất T số tiền vay gốc 340.000.000 (ba trăm bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi 79.450.000 (bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 419.450.000 (bốn trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Trần Quang T2 và chị Lê Hiền T1 phải chịu 20.778.000 (hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tất T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Tất T3 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0003355 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng THADS khu vực 11).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (hà).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Hà

